

Số: 2918/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 62/TTr-STP ngày 09/10/2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này gồm Danh mục 01 (một) thủ tục hành chính mới ban hành, 27 (hai mươi bảy) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Khắc Thận

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1118 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

**Phần I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>					
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<p>- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ</p>	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	Quyết định số 1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bồi thường nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

		<p>thụ lý.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường.</li><li>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người</li></ul>			
--	--	---	--	--	--

giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.

- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH</b>		
1.	Đăng ký khai sinh (Thủ tục số 01, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thủ tục số 02, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
3.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (Thủ tục số 03, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
4.	Đăng ký lại khai sinh (Thủ tục số 04, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
5.	Đăng ký kết hôn (Thủ tục số 05, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
6.	Đăng ký lại kết hôn (Thủ tục số 06, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

7.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con (Thủ tục số 07, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
8.	Đăng ký khai tử (Thủ tục số 08, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
9.	Đăng ký lại khai tử (Thủ tục số 09, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
10.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Thủ tục số 10, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Thời hạn giải quyết;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
11.	Đăng ký giám hộ (Thủ tục số 11, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
12.	Đăng ký chấm dứt giám hộ (Thủ tục số 12, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

13.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (Thủ tục số 13, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên thủ tục hành chính;</li> <li>- Cách thức thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
14.	Đăng ký khai sinh lưu động (Thủ tục số 14, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
15.	Đăng ký khai tử lưu động (Thủ tục số 15, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
16.	Đăng ký kết hôn lưu động (Thủ tục số 16, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
17.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch (Thủ tục số 17, mục III, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Đối tượng thực hiện;</li> <li>- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Phí, lệ phí;</li> <li>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>		

1	<p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (Thủ tục số 01, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
2	<p>Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) (Thủ tục số 02, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
3	<p>Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (Thủ tục số 03, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
4	<p>Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (Thủ tục số 04, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự thực hiện;</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
5	<p>Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (Thủ tục số 05, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
6	<p>Chứng thực Hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở (Thủ tục số 06, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</li> </ul>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>



7	<p>Chứng thực di chúc (Thủ tục số 07, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<p>- Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
8	<p>Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (Thủ tục số 08, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<p>- Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
9	<p>Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Thủ tục số 09, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<p>- Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>
10	<p>Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Thủ tục số 10, mục V, phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<p>- Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.</p>	<p>Quyết định số 1329/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp</p>